

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **175/2021/DS-ST**

Ngày: 17-6-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Phạm Thị Nhung

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 321/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2021/QĐSTXX-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 340/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần XP.;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

Người diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh S. – Chuyên viên.

- *Bị đơn:* Bà Đinh Thị Th., sinh năm: 1983;

Địa chỉ thường trú: Số X2, đường Y2, phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số X3, đường Y3, phường Z3, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh S. có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Đinh Thị Th. vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại Đơn khởi kiện ngày 09/9/2020 và tại bản tự khai, các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần XP. (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) do ông Nguyễn Thanh S. trình bày:

Ngày 09/12/2013, bà Đinh Thị Th. đã ký Giấy đề nghị Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng quốc tế theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, điều kiện điều khoản kèm hợp đồng sử dụng thẻ XP Visa. Đáp ứng nhu cầu của khách hàng thì Ngân hàng đã cấp cho bà Th. thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày 26/12/2014, bà Th. đã vi phạm hạn mức thẻ tín dụng, tổng số tiền nợ là 42.313.048 đồng, trong đó dư nợ gốc thẻ tín dụng là 29.846.159 đồng, tiền lãi là 12.466.889 đồng.

Do đó, nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Tân Phú buộc bà Đinh Thị Th. có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ chưa thanh toán tính đến ngày 09/9/2020 là 42.313.048 đồng (trong đó nợ gốc là 29.846.159 đồng và tiền lãi là 12.466.889 đồng).

Ngân hàng không yêu cầu tính tiền nợ lãi quá hạn từ sau ngày khởi kiện cho đến khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật; chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi bà Đinh Thị Th. thanh toán hết khoản nợ trên. Về phương thức thanh toán: Yêu cầu bà Đinh Thị Th. thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đinh Thị Th.: dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các Giấy triệu tập đương sự nhưng bà Đinh Thị Th. không nộp cho Tòa án văn bản ghi nhận ý kiến cũng như vắng mặt tại tất cả các lần triệu tập của Tòa án mà không có lý do.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng là ông Nguyễn Thanh S. có Đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Đinh Thị Th. vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định quan hệ

tranh chấp; xác định tư cách pháp lý; thu thập chứng cứ; thời gian tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc bà Đinh Thị Th. có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 09/9/2020 là: 42.313.048 đồng (trong đó nợ gốc là 29.846.159 đồng và tiền lãi là 12.466.889 đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng không yêu cầu tính tiền nợ lãi quá hạn từ sau ngày khởi kiện cho đến khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Về phương thức và thời hạn thanh toán: Buộc bà Đinh Thị Th. thanh toán toàn bộ số nợ trên cho nguyên đơn một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào Hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng và bà Đinh Thị Th. và Đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ xác minh của Công an phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì: Bà Đinh Thị Th. có hộ khẩu thường trú tại Số X2, đường Y2, phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2010 thì bán nhà chuyển đi đâu không rõ. Căn cứ xác minh của Công an phường Z3, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì: bà Th. không có thường trú hoặc tạm trú tại địa chỉ Số X3, đường Y3, phường Z3, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Do bị đơn bà Đinh Thị Th. có nơi cư trú cuối cùng tại phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và địa chỉ liên lạc do bà Th. cung cấp tại phường Z3, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn – Ngân hàng do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh S. có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh S..

Bị đơn – bà Đinh Thị Th. đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171; Điều 177, Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay bà Đinh Thị Th. vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Đinh Thị Th..

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Xét Đơn khởi kiện; Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, Điều kiện và điều khoản kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế XP ngày 09/12/2013 giữa Ngân hàng và bà Đinh Thị Th. (gọi tắt là hợp đồng); Bảng chi tiết thanh toán; Bảng lịch sử thanh toán; Điều lệ Ngân hàng; Lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh S. cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở xác định: Bà Đinh Thị Th. đã ký hợp đồng phát hành thẻ tín dụng với Ngân hàng vào ngày 09/12/2013 được phát hành thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000 đồng.

[2.1] Về hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng:

Hội đồng xét xử xét thấy việc ký kết hợp đồng nêu trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng và nội dung thỏa thuận phù hợp và không trái quy định pháp luật, có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2005 và sau đó được điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng để phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2] Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Do bà Th. đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn quy định trong hợp đồng tín dụng, gây khó khăn cho nguyên đơn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị Th. có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày ngày 09/9/2020 là: : 42.313.048 đồng (trong đó nợ gốc là 29.846.159 đồng và tiền lãi là 12.466.889 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 351; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.3] Về yêu cầu đối với nợ lãi:

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi kể từ sau ngày 09/9/2020 cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Về phương thức và thời hạn thanh toán:

Ngân hàng yêu cầu bà Đinh Thị Th. thanh toán một lần toàn bộ số nợ trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín

dụng; khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[3] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Đinh Thị Th. phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 398; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;.

- Khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

- Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần XP..

[2] Buộc bà Đinh Thị Th. có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần XP. tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 09/9/2020 là: 42.313.048 (bốn mươi hai triệu ba trăm mười ba nghìn không trăm bốn mươi tám) đồng (trong đó nợ gốc là 29.846.159 đồng và tiền lãi là 12.466.889 đồng), theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, Điều kiện và điều khoản kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế XP Visa ngày 09/12/2013, được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần XP. và bà Đinh Thị Th..

[3] Về yêu cầu đối với nợ lãi:

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi kể từ sau ngày 09/9/2020 cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Phương thức và thời hạn thanh toán:

Bà Đinh Thị Th. có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần XP. một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đinh Thị Th. phải chịu 2.115.652 (hai triệu một trăm mười lăm nghìn sáu trăm năm mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 1.057.826 (một triệu không trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi sáu) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0071113 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần XP..

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Lâm Đức Tài